TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2018
Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Kim Thị Ngọc Thu

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Dương Văn Đến

2. Ông Vương Hoàng Phúc

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Kiên Thị Minh Hiếu, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Th.TSR, sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Th. V, sinh năm 1981 (vắng);

HKTT: ấp T, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng, chị Th.TSR là nguyên đơn trình bày: chị với anh Th. V xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Sau khi cưới anh V ở rể bên gia đình chị. Quá trình chung sống không có hạnh phúc, đến cuối năm 2010 phát sinh mâu thuẫn vợ

chồng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh V ghen tuông vô cớ cầm dao hâm dọa chị và anh Th. V thường về nhà cha mẹ ruột ở, anh V không lo làm ăn. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hợp nhau nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với anh V.

Về con chung: có 01 người con chung tên Th.T Thu Th, sinh ngày 09/02/2011. Hiện đang sống với chị SR. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nươi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với em Th.T Thu Th có đơn xin vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 03/4/2018 nguyện vọng của Th được sống với mẹ, nếu cha mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định;

Về thủ tục tố tụng:

[1] Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Về hình thức: Chị Th.TSR với anh Th. V xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, là hôn nhân tự nguyện. Nay phát sinh mâu thuẫn, chị Th.TSR có đơn ly hôn với anh Th. V. Xét tư cách khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Th.TSR và anh Th. V kết hôn với nhau do mai mối, hai người tiến đến hôn nhân vào năm 2010. Theo chị SR cho rằng quá trình chung sống chị với anh V không hạnh phúc, anh V thường về nhà cha mẹ ruột của anh V, anh không lo làm ăn nuôi dạy con chung, bỏ mặc mẹ con chị, chị có kêu anh V trở về cùng nhau lo làm ăn để xây dựng gia đình êm ấm nhưng anh V về rồi lại đi, thường xuyên như vậy hai người ly thân với nhau khoảng một năm. Nay chị SR thấy tình cảm không còn thương yêu cầu được ly hôn với anh Th. V.

Đối với anh Th. V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập xét xử nhiều lần nhưng anh V đều cố tình vắng mặt. Nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Th. V trình bày: căn cứ lời khai của chị SR về quan hệ hôn nhân, con chung tài sản chung, nợ chung như chị SR trình bày là đúng. Quá trình chung

sống rất hạnh phúc, việc anh bỏ nhà đi là do mẹ vợ luôn la mắng anh trong khi anh cố gắng cực khổ chí thú làm ăn lo cho gia đình nhưng anh không được quyền lợi gì, không có tiền tiêu xài, anh không chịu đựng được nên mới về nhà cha mẹ ruột ở. Và hai người không còn sống chung đến nay khoảng một năm. Nay giữa anh với chị SR không có mâu thuẫn nên anh không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét lời nại này của anh Th. V cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, anh còn thương vợ, thương con nhưng anh không có biện pháp nào thể hiện đoàn tụ. Thể hiện anh không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với chị SR. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị SR, xử cho Th.TSR được ly hôn với anh Th. V theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]*Về con chung:* Chị Th.TSR với anh Th. V có một con chung. Nguyện vọng của chị SR được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc em Th.TThu Th sinh ngày 09/02/2011, em Th từ nhỏ sống gần gũi với chị và chị trực tiếp chăm lo cho con nhiều hơn, cần phải có mẹ chăm sóc chu đáo hơn, chị không yêu cầu anh Th. V cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của chị SR là chính đáng, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao Th.TThu Th cho chị SR được tiếp tục nuôi theo nguyện vọng của con chung anh Th. V không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Chị Th.TSR phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th.TSR.

1. Xử cho chị Th.TSR được ly hôn với anh Th. V.

2. Về con chung: chị Th.TSR được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Th.TThu Th, sinh ngày 09/02/2011 (theo nguyện vọng của Th.TThu Th). Anh Th. V không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Th. V được quyền trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét.

3.Về án phí: Buộc chị Th.TSR phải chịu nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị SR đã nộp tại biên lai thu tiền số 0015098, ngày 01/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh nên chị SR không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được nêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú để xin Toà án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Trà Vinh.
- VKSND huyện Châu Thành.
- THADS huyện Châu Thành.
- UBND xã A
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

Kim Thị Ngọc Thu